

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 919/TTr-STP

Điện Biên, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi
bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 100/NQ-TTHĐND ngày 16/3/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; Thông báo 2485/TB-UBND ngày 19/6/2023 kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tháng 6 (lần 01) năm 2023, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, ngày 30/12/2011 Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND Quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sau khi Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan thực hiện việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng các mức chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 08/02/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật (thay thế Thông tư liên tịch số

122/2011/TTLTBTC-BTP); trong đó, đối tượng áp dụng và nhiều nội dung, mức chi tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC đã được bổ sung, điều chỉnh so với Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP để phù hợp với tình hình thực tiễn thực hiện công tác này hiện nay.

Tại khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định “3. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương...4. Việc tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản tại khoản 1 Điều 2 Thông tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, địa phương được vận dụng nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Phụ lục Thông tư này để thực hiện.”.

Ngoài ra, các căn cứ pháp lý khác để ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND hiện nay đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế (Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 để cụ thể các quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND ngày 30/12/2011 của HĐND tỉnh đồng thời quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua theo quy định; quy định rõ việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác này. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương đã quan tâm chỉ đạo làm tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

Từ năm 2013 đến nay, các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra văn bản đã thực hiện tự kiểm tra 575 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 373 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp dưới ban hành. Công tác rà soát văn bản đã được thực hiện thường xuyên, theo yêu cầu của ngành, lĩnh vực. Đã rà soát 2.641 văn bản; qua rà soát đã đề xuất, kiến nghị xử lý 506 văn bản; thực hiện 02 kỳ hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật với tổng số 2.030 văn bản (cấp tỉnh 1.118 văn bản, cấp huyện, xã 912 văn bản), trong đó còn hiệu lực 916 văn bản; hết hiệu

lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần: 575 văn bản; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới: 136 văn bản.

Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã thực hiện việc áp dụng mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND. Từ năm 2013 đến nay, tại cấp tỉnh đã chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản 1.527.555.000 đồng; Ủy ban nhân dân cấp huyện đã chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản 52.230.000 đồng.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Sau 12 năm thực hiện, mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và các quy định pháp luật hiện hành; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm việc chỉ đạo lập dự toán, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ nguồn kinh phí hoặc không bố trí được nguồn kinh phí để thực hiện công tác này theo quy định (*Có Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 258/2011 và Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND*).

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên thay thế Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, giúp các cấp, các ngành có căn cứ để lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán mức chi nhằm đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Nhằm cụ thể các quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC, đồng thời tạo căn cứ pháp lý để các cấp, các ngành thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác này trong hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 253/STP-XDKTVB ngày 03/3/2023 đề nghị các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND tại cơ quan, đơn vị trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2022.

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-STP về thành lập tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết và Công văn số 599/STP- XDKTVB ngày 08/5/2023 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết đồng thời phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định và tổ chức truyền thông Nghị quyết theo Quyết định số 407/QĐ-TTg, ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính. Về cơ bản, các ý kiến tham gia đều nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị quyết; một số ý kiến tham gia, Sở Tư pháp đã giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo số 686/BC-STP ngày 23/5/2023.

Thực hiện quy định về thẩm định dự thảo Nghị quyết do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo, ngày 24/5/2023 Sở Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Công văn số 688/STP-XDKTVB ngày 24/5/2023). Các ý kiến thẩm định cơ bản nhất trí cao với dự thảo Nghị quyết do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng (Báo cáo thẩm định số 752/BC-HĐTVTĐ).

Căn cứ Thông báo 2485/TB-UBND ngày 19/6/2023 kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tháng 6 (lần 01) năm 2023, Sở Tư pháp đã chỉnh sửa một số nội dung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tế tại địa phương.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều (Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; Điều 3. Kinh phí thực hiện; Điều 4. Tổ chức thực hiện; Điều 5. Hiệu lực thi hành) và 01 phụ lục ban hành kèm theo.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết: Được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

2.2. Quy định mức chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản và một số mức chi đặc thù công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật: được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BTC; trong đó:

a) Các nội dung chi của dự thảo Nghị quyết tiếp tục kế thừa các quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND, trong đó đã xây dựng các mức chi mới để phù hợp với quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC và phù hợp với thực tiễn hiện nay, gồm:

- Chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước;
- Chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên;
- Chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản;
- Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản;
- Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản;
- Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

b) Các nội dung và mức chi mới, được bổ sung so với Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND, được xây dựng để phù hợp với các quy định mới của Thông tư số 09/2023/TT-BTC và điều kiện thực tiễn

- Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp);
- Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật và Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật);
- Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản;
- Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2.3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được phân bổ trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Tờ trình của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo Tờ trình: dự thảo Tờ trình của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Dự thảo Nghị quyết và Phụ lục kèm theo Nghị quyết, Báo cáo số 397/BC-STP ngày 27/3/2023, Báo cáo số 686/BC-STP ngày 23/5/2023 của Sở Tư pháp, Báo cáo thẩm định số 752/BC-HĐTVTĐ của Hội đồng tư vấn thẩm định, Dự toán kinh phí theo dự thảo Nghị quyết)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- GD, PGD Sở Tư pháp
- Lưu: VT, XDKTVB.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đình Quế

DỰ TOÁN
KINH PHÍ 01 NĂM BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA
SỞ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
TƯ PHÁP (Kèm theo Tờ trình số 919/TTr-STP ngày 28/6/2023 của Sở Tư pháp)



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung, mức chi	Tổng	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật a) Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi x 06 buổi = 900.000đồng. b) Thành viên tham dự 100.000 đồng/người/buổi x 06 buổi x 12 người = 6.000.000 đồng	6.900.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia (01 văn bản xin ý kiến) 1.200.000đồng/01 báo cáo/01 văn bản x 05 văn bản	6.000.000	
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản (Báo cáo) a) Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản	44.000.000	

	- Báo cáo của UBND tỉnh: 5.600.000 đồng/01 báo cáo x 3 báo cáo = 16.800.000 đồng; - Báo cáo của Sở Tư pháp 2.400.000 đồng/01 báo cáo x 10 báo cáo = 24.000.000đồng. b) Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp 320.000 đồng/01 báo cáo x 10 báo cáo = 3.200.000		
4	Chi chính lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp). 720.000đồng/01 lần chỉnh lý x 13 báo cáo	9.360.000	
5	Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (gồm: Kiểm tra văn bản do cơ quan, người ban hành văn bản gửi đến; Kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; Kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực), gồm: a) Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật 200.000đồng/01 văn bản x 20 văn bản = 4.000.000đồng; b) Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: 400.000đồng/01 văn bản x 10 văn bản = 4.000.000 đồng	8.000.000	

6	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm): 160.000 đồng/01 văn bản x 20 văn bản	3.200.000	Đối với rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm) có dự trù kinh phí riêng theo kỳ.
7	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản a) Mức chi chung 240.000 đồng/01 văn bản x 20 văn bản = 4.800.000 đồng; b) Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp 480.000 đồng/01 văn bản x 4 văn bản = 1.920.000 đồng	6.720.000	
8	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản 200.000 đồng/01 văn bản x 25 văn bản	5.000.000	
9	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Sở Tư pháp kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công bố.) 120.000đồng/01 văn bản x 05 văn bản	600.000	Kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, gồm 04 văn bản (danh mục) và 01 tập hệ thống hóa văn bản QPPL (05 năm hệ thống hóa 01 lần)

10	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản a) Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: 120.000đồng/01 văn bản = 17.000.000 đồng; b) Chi tổ chức, thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL - Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (Dự kiến kinh phí căn cứ vào thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản) 70.000đồng / 01 tài liệu (01 văn bản) = 5.000.000	22.000.000	
11	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng	2.000.000	(Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp)
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	6.000.000	(Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp)
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm ...	20.000.000	
Tổng dự kiến kinh phí (từ 1 đến 13): 139.780.000 (Một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng)			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 100/NQ-TTHĐND ngày 16/3/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, ngày 30/12/2011 Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND Quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sau khi Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan thực hiện việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng các mức chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 08/02/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật (thay thế Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLTBTC-BTP); trong đó, đối tượng áp dụng và nhiều nội dung, mức

chỉ tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC đã được bổ sung, điều chỉnh so với Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP và phù hợp với tình hình thực tiễn.

Tại khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định “3. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương...4. Việc tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản tại khoản 1 Điều 2 Thông tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, địa phương được vận dụng nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Phụ lục Thông tư này để thực hiện.”.

Ngoài ra, các căn cứ pháp lý khác để ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND hiện nay đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế (Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 để cụ thể các quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND ngày 30/12/2011 của HĐND tỉnh đồng thời quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân thông qua theo quy định; quy định rõ việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác này. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương đã quan tâm chỉ đạo làm tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Từ năm 2013 đến nay, các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra văn bản đã thực hiện tự kiểm tra 575 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 373 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp dưới ban hành. Công tác rà soát văn bản đã được thực hiện thường xuyên, theo yêu cầu của ngành, lĩnh vực. Đã rà soát 2.641 văn bản; qua rà soát đã đề xuất, kiến nghị xử lý 506 văn bản; thực hiện 02 kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật với tổng số 2.030 văn bản (cấp tỉnh 1.118 văn bản, cấp huyện, xã 912 văn bản), trong đó còn hiệu lực 916 văn bản; hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần: 575 văn bản; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới: 136 văn bản.

Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã thực hiện việc áp dụng mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của

Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND. Từ năm 2013 đến nay, tại cấp tỉnh đã chỉ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản 1.527.555.000 đồng; Ủy ban nhân dân cấp huyện đã chỉ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản 52.230.000 đồng.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Sau 12 năm thực hiện, mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và các quy định pháp luật hiện hành; một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm việc chỉ đạo lập dự toán, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ nguồn kinh phí hoặc không bố trí được nguồn kinh phí để thực hiện công tác này theo quy định (*Có báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 258/2011 của HĐND tỉnh và Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh*).

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên thay thế Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, giúp các cấp, các ngành có căn cứ để lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán mức chi nhằm đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Nhằm cụ thể các quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC, đồng thời tạo căn cứ pháp lý để các cấp, các ngành thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác này trong hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-TTHĐND 16/03/2023 của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh về chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Sở Tư pháp chủ trì rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh và xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-STP về thành lập tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết và Công văn số 599/STP- XDKTVB ngày 08/5/2023 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, đồng thời phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định. Về cơ bản, các ý kiến tham gia đối với nội dung của dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp nghiêm túc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo số 686/BC-STP ngày 23/5/2023.

Thực hiện quy định về thẩm định dự thảo Nghị quyết do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo, ngày 24/5/2023 Sở Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Công văn số 688/STP-XDKTVB ngày 24/5/2023 và Báo cáo thẩm định số 752/BC-HĐTVTĐ).

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều (Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; Điều 3. Kinh phí thực hiện; Điều 4. Tổ chức thực hiện; Điều 5. Hiệu lực thi hành) và 01 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết: Được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

2.2. Quy định mức chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản và một số mức chi đặc thù công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật: được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BTC; trong đó:

a) Các nội dung chi của dự thảo Nghị quyết tiếp tục kế thừa các quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND, trong đó đã xây dựng các mức chi mới để phù hợp với quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC và phù hợp với thực tiễn hiện nay, gồm:

- Chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước;

- Chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản và đội ngũ cộng tác viên;

- Chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản;

- Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hoá văn bản;

- Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản;

- Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

b) Các nội dung và mức chi mới, được bổ sung so với Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND, được xây dựng để phù hợp với các quy định mới của Thông tư số 09/2023/TT-BTC và điều kiện thực tiễn:

- Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

- Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật và Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật);

- Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản;

- Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2.3. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Kinh phí phục vụ hoạt động tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

b) Kinh phí công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được phân bổ trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

(Có dự thảo Nghị quyết và Phụ lục mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật kèm theo).

Trên đây là Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (bc);
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế-HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ
thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác
kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn
tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 111; Điều 114; điểm c, điểm d khoản 1 Điều 128 và giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ) được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, gồm:

- a) Sở Tư pháp;
- b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
- c) Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- d) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện);
- đ) Công chức tư pháp - hộ tịch các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);
- e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, gồm: các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện khi được giao nhiệm vụ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; pháp chế các Sở, ngành tỉnh;
- g) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

1. Chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản): Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên: Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

c) Chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 396/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân; công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

d) Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

đ) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác Thi đua, Khen thưởng.

e) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.

2. Mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ hoạt động tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

2. Kinh phí công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được phân bổ trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Khi các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa ... kỳ họp thứ ... thông qua ngày...tháng...năm ... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng...năm./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND-UBND các huyện, TX, TP;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh; Báo ĐBP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
MỨC CHI ĐẶC THÙ BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ,
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150.000	100.000	80.000	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	70.000	60.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.200.000	960.000	770.000	Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản					

a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực; Báo cáo kết quả hệ thống văn bản định kỳ (05 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; Báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản					
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh	01 báo cáo	5.600.000			
-	Báo cáo của các sở, ban, ngành; báo cáo của UBND cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập	01 báo cáo	2.400.000			
-	Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập	01 báo cáo	1.200.000			
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	320.000	260.000	210.000	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).	01 lần chỉnh lý/01 văn bản	720.000	580.000	470.000	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng					Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.

6	Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản				
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		200.000	160.000		
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		400.000	320.000		
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm)	01 văn bản	160.000	130.000	100.000	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	01 văn bản				
a	Mức chi chung		240.000	192.000		
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp		480.000	385.000		
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	200.000	160.000		
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản	120.000	100.000		

11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản					
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	120.000	100.000		
b	Chi tổ chức, thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	50.000		Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo

12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản					Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm					Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.



BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Sở Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), ngày 24/5/2023, Sở Tư pháp đã có Công văn số 688/STP-XDKTVB đề nghị phối hợp thẩm định dự thảo Nghị quyết gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở: Tài chính, Nội vụ. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng, Hội đồng tư vấn thẩm định báo cáo kết quả thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết, thẩm quyền ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1 Sự cần thiết ban hành

Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên là cần thiết, nhằm cụ thể các quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời tạo căn cứ pháp lý để các cấp, các ngành thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác này.

1.2. Thẩm quyền ban hành

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC “3. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương...4. Việc tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản tại khoản 1 Điều 2 Thông tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, địa phương được vận dụng nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Phụ lục Thông tư này để thực hiện.”.

1.3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng dự thảo Nghị quyết: phù hợp với nội hàm dự thảo và quy định tại Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

2.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên các văn bản thể hiện trong phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản là đúng căn cứ. Nội dung dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, phù hợp với quy định với hệ thống pháp luật.

2.2. Đối với dự thảo Tờ trình

Dự thảo Tờ trình được xây dựng bảo đảm theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng phù hợp với quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng bảo đảm ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

5. Kết luận

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để bc);
- Thành viên Hội đồng TVTĐ;
- GD, PGD Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKTVB.

TM. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Nguyễn Thị Minh Hương

Số: 686/BC-STP

Điện Biên, ngày 23 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ngày 08/5/2023, Sở Tư pháp đã có Công văn số 599/STP-XDKTVB về việc đề nghị tham gia ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết. Đến nay, Sở Tư pháp đã nhận được ý kiến tham gia của 24 sở, ban, ngành và 09 UBND huyện, thị xã, thành phố. Về cơ bản, các đơn vị đều nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo; có 06 đơn vị có ý kiến tham gia, gồm: Ban Văn hóa xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư. Sở Tư pháp báo cáo việc giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết như sau:

Nội dung tham gia	Cơ quan tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
Về căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: “Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Ban Văn hóa – Xã hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Tài chính	Sở Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa nội dung này.

34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.		
Về phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản 1 Điều của dự thảo Nghị quyết chưa bao quát hết nội dung tại Điều 2, đề nghị bổ sung như sau: “a) Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Nội dung này Sở Tư pháp giải trình như sau: Tại khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định “3. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương...4. Việc tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản tại khoản 1 Điều 2 Thông tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, địa phương được vận dụng nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Phụ lục Thông tư này để thực hiện.”. Như vậy, căn cứ thẩm quyền được giao và nội dung “mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản

		quy phạm pháp luật” là một phần của quy định “mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản”. Do đó, Sở Tư pháp đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
Tiêu đề của khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung cụm từ như sau “1. Chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật”.	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa nội dung này.
Dự thảo Nghị quyết Điều 1, đề nghị bỏ khoản b, điều 1. Vì theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định “3. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương; trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện”.	Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh	Nội dung này Sở Tư pháp giải trình như sau: Việc xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết là cần thiết, để tránh bỏ sót các nội dung mà trong Thông tư có quy định, nhưng tại Nghị quyết không được giao quy định. Do vậy, Sở Tư pháp đề nghị giữ nguyên nội dung này.
Đối tượng áp dụng: Đề nghị xem xét lại đối tượng cho phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 111, Điều 114, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 128, khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh	Nội dung này Sở Tư pháp giải trình như sau: Hiện các “Đối tượng áp dụng” tại khoản 2 Điều 1 được xây dựng phù hợp với khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BTC và chức năng, nhiệm vụ mà cơ quan, đơn vị được thực hiện công tác này.

Tại điểm đ, khoản 1, Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật Đề nghị bỏ cụm từ “Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;”; thay thế bằng cụm từ “pháp luật về thi đua khen thưởng. ”. Lý do: Nghị quyết của HĐND tỉnh không dẫn chiếu Quyết định của UBND tỉnh.	Ban Dân tộc – Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp đã tiếp thu và chỉnh sửa nội dung này.
Tại Điều 4. Tổ chức thực hiện Đề nghị bổ sung 01 mục: “3. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. ”. Lý do: Nhằm hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung nội dung Nghị quyết khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này có sự thay đổi.	Ban Dân tộc – Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp đã tiếp thu và chỉnh sửa nội dung này.
Tại Điều 3 (Kinh phí thực hiện) đề nghị đơn vị xem xét điều chỉnh: “1. Kinh phí phục vụ hoạt động tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản. 2. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý rà soát, hệ thống hóa văn bản của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.”.	Sở Tài chính	Sở Tư pháp đã tiếp thu và chỉnh sửa nội dung này.
Tại tiết 2, tiết 3 điểm a mục 3 (Phụ lục) đề nghị đơn vị xem xét điều chỉnh: "Báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết	Sở Tài chính	Sở Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa nội dung này.

quả của đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập" và "Báo cáo của các phòng, ban cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo của đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập". Để đảm bảo tính chính xác, phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC.		
Đối với mức chi: Căn cứ điểm b mục 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính đối với các văn bản còn lại mức chi từ 100 – 200 nghìn đồng, do đó để phù hợp với quy định tại thông tư Sở Tài chính đề xuất đối với nội dung chi "7. Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm)" mức chi đối với cấp tỉnh bằng 100% mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC (200 nghìn đồng/01 văn bản; Cấp huyện bằng 77% cấp tỉnh (150 nghìn đồng/01 văn bản); Cấp xã: bằng 65% cấp huyện (100 nghìn đồng/01 văn bản).	Sở Tài chính	Sở Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa nội dung này.
Nội dung chi 03 về chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Phụ lục kèm theo Nghị quyết: - Báo cáo của UBND tỉnh: sửa thành Báo cáo của UBND. Mức chi này cho các cấp tỉnh, huyện và xã sẽ được ghi sang các cột tương ứng. - Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập: tương ứng sang cột cấp tỉnh thay vì cấp huyện như Dự thảo Nghị quyết. - Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tư pháp đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa nội dung này

thành lập: tương ứng sang cột cấp huyện thay vì cấp xã như Dự thảo Nghị quyết.		
---	--	--

Ngoài ra, các ý kiến tham gia về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đã được Sở Tư pháp rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đối với dự thảo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD, PGD Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Minh Hương

Số: 397/BC-STP

Điện Biên, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND ngày 30/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện quy định của Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, ngày 30/12/2011, Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND Quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Sau 12 năm triển khai thực hiện, Sở Tư pháp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND như sau:

1. Kết quả đạt được

a) Kết quả công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản

Sau khi Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã quán triệt, chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND. Sở Tư pháp đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên để cụ thể các quy định tại Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND và quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua theo quy định; đồng thời quy định rõ việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác này.

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã quan tâm chỉ đạo làm tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương, cụ thể: Từ năm 2013 đến nay, các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra văn bản đã thực hiện tự kiểm tra 575 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 373 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp dưới ban hành.

Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã được các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát thường

xuyên, theo yêu cầu của ngành, lĩnh vực; Từ năm 2013 đến nay, đã rà soát 2.641 văn bản; qua rà soát đã đề xuất, kiến nghị xử lý 506 văn bản theo quy định.

Công tác hệ thống hoá văn bản quy pháp luật đã được thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh; đến nay, đã thực hiện 02 kỳ hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật với tổng số 2.030 văn bản (cấp tỉnh: 1.118 văn bản, cấp huyện, xã: 912 văn bản); trong đó còn hiệu lực 916 văn bản; hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần: 575 văn bản; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới: 136 văn bản.

b) Việc áp dụng mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản

Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã thực hiện việc áp dụng mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND.

Kết quả từ năm 2013 đến nay, tại cấp tỉnh đã chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản 1.527.555.000 đồng (Sở Tư pháp: 1.500.000.000 đồng; các sở, ngành 27.550.000 đồng); Ủy ban nhân dân cấp huyện đã chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản 52.230.000 đồng.

Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm việc chỉ đạo lập dự toán, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ nguồn kinh phí hoặc không bố trí được nguồn kinh phí để thực hiện công tác này theo quy định.

2. Kết quả rà soát đối với Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND

a) Về hiệu lực của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND: Nghị quyết còn hiệu lực pháp luật và chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế hay bãi bỏ bởi văn bản khác nào.

b) Về căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND: Tại thời điểm ban hành, Nghị quyết căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 26/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ; Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định về lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Tuy nhiên, hiện nay, các căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực (Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được thay thế bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 40/2010/NĐ-CP được thay thế bởi Nghị định số

34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP được thay thế bởi Thông tư số 09/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật).

c) Về thẩm quyền ban hành Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND: Tại thời điểm ban hành, Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.

d) Về nội dung của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND: toàn bộ nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp với quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC và yêu cầu thực hiện công tác này trong giai đoạn hiện nay.

đ) Về việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND: tại thời điểm ban hành, Nghị quyết được Sở Tư pháp tham mưu ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

3. Kiến nghị, đề xuất

Sau 12 năm thực hiện Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND, mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của công tác này hiện nay; một số hoạt động của công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên thực tế đã thực hiện nhưng chưa có quy định về mức chi, như: chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo; chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật); chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản; chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Thông tư số 09/2023/TT-BTC đã sửa đổi định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu của công tác này và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay; bổ sung quy định về mức chi đặc thù đối với công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, các quy định của Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn hiện nay.

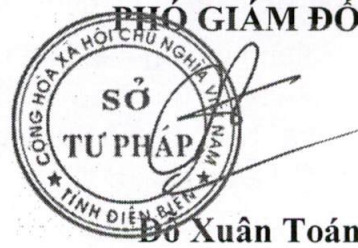
Để bảo đảm tính thống nhất của văn bản và phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đồng bộ, thống nhất, khả thi, Sở Tư pháp đề nghị tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để thay thế Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 258/2011/NQ-HĐND quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên của Sở Tư pháp; Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để nắm và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD, PGD Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKTVB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Xuân Toán